

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **70/2021/DS-PT**
Ngày 28 - 6 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Phụng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Thành.

Ông Trần Nam Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: **66/2021/TLPT-DS** ngày 11 tháng 5 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 13/2021/DS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Toà án nhân dân thị xã T, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 86/2021/QĐ-PT ngày 31 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Anh T, sinh năm 1978. (Có mặt)

Địa chỉ: N, Khóm T, Phường M, thị xã T, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn:

1. Ông Lê Văn Ng (Ch), sinh năm 1980. (Có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1982. (có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 25/6/2021)

Cùng địa chỉ: Số B, khóm Tân Q, Phường H, thị xã T, tỉnh Sóc Trăng.

- Người kháng cáo: Ông Lê Văn Ng (Ch) là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

** Theo đơn khởi kiện ngày 07/10/2020, nguyên đơn ông Lê Anh T trình bày:* Vào ngày 22/7/2019 âm lịch ông Lê Văn Ng và bà Nguyễn Thị C có vay của ông số tiền là 670.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng. Sau đó, đến ngày 28/7/2019 âm lịch thì phía ông Ng và bà C trả cho ông được số tiền là 450.000.000 đồng, còn thiếu lại số tiền là 220.000.000 đồng. Đến ngày 03/3/2020 âm lịch ông Ng và bà C trả cho ông thêm được số tiền là 100.000.000 đồng bao gồm: trả tiền lãi là 59.400.000 đồng và tiền vốn là 40.600.000 đồng, còn thiếu lại tiền vốn tổng cộng là 179.400.000 đồng. Khi trả thì ông có làm biên nhận, hiện biên nhận phía ông Ng giữ. Đối với biên nhận các bị đơn cung cấp ông thừa nhận là chữ viết và chữ ký của ông tuy nhiên số tiền đã bị tẩy xóa từ chữ một thành chữ hai nên ông không chấp nhận, ông đề nghị phía ông Ng cung cấp bản chính để đối chiếu hoặc giám định.

Nay ông yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã T giải quyết buộc các bị đơn Lê Văn Ng và bà Nguyễn Thị C trả ông số tiền 206.310.000 đồng trong đó vốn gốc là 179.400.000 đồng, lãi tính đến ngày 07/10/2020 là 26.910.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 08/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất do pháp luật quy định.

** Bị đơn Lê Văn Ng trình bày:* Ông thừa nhận vào ngày 22/7/2019 âm lịch vợ chồng ông có hỏi vay của ông Lê Anh T số tiền là 670.000.000 đồng để đáo nợ Ngân hàng. Đến nay 28/7/2019 âm lịch thì trả được số tiền là 450.000.000 đồng và tiền lãi là 13.500.000 đồng, vợ chồng ông còn nợ lại ông T số tiền là 220.000.000 đồng, do không có tiền trả nên hẹn lại vụ lúa đông xuân năm 2020 sẽ trả đầy đủ cho ông T cả vốn và lãi.

Đến ngày 23/3/2020 âm lịch thì vợ chồng ông đã gửi trả cho ông T được số tiền là 200.000.000 đồng, ông T có làm biên nhận cho ông. Tuy nhiên, do biên nhận được viết trong sổ cân lúa nhưng hiện nay cuốn sổ này đã bị thất lạc nên ông không thể cung cấp bản chính được. Trước khi cuốn sổ bị thất lạc thì ông có chụp lại biên nhận này trên điện thoại, nhưng do chụp ban đêm nên hơi bị mờ. Sau đó đến ngày 23/4/2020 thì ông T có yêu cầu ông trả số tiền là 220.000.000 đồng, ông không đồng ý vì đã trả 200.000.000 đồng rồi, nhưng ông T nói số tiền 200.000.000 đồng là trả tiền lãi, còn thiếu tiền nợ gốc là 220.000.000 đồng. Sau đó ông T có hăm dọa, chặn đường đánh ông và sự việc này ông có nhờ chính quyền địa phương giải quyết.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông T thì ông không đồng ý. Ông đồng ý trả cho ông T số tiền còn thiếu là 20.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 28/7/2019 âm lịch đến ngày 23/3/2020 âm lịch đối với số tiền là 220.000.000 đồng và trả tiền lãi từ ngày 23/3/2020 âm lịch đến ngày xét xử sơ thẩm đối với số tiền là 20.000.000 đồng. Về mức lãi suất trước đây các bên thỏa thuận là 3% nhưng nay ông yêu cầu tính theo quy định của pháp luật

* Bị đơn bà Lê Thị C trình bày: Bà đồng ý với lời trình bày và yêu cầu của chồng bà là ông Lê Văn Ng, ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm.

Sự việc được Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2021/DS-ST ngày 24 tháng 03 năm 2021 đã căn cứ vào khoản 6 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 468, Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Anh T.

1. Buộc các bị đơn ông Lê Văn Ng và bà Nguyễn Thị C có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Lê Anh T tổng số tiền là 174.027.161 đồng (một trăm bảy mươi bốn triệu không trăm hai mươi bảy ngàn một trăm sáu mươi một đồng), trong đó vốn gốc là 145.320.533 đồng và tiền lãi là 28.706.628 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Anh T về việc buộc các bị đơn ông Lê Văn Ng và bà Nguyễn Thị C có trách nhiệm trả số tiền lãi tính vượt là 32.282.839 đồng (ba mươi hai triệu hai trăm tám mươi hai ngàn tám trăm ba mươi chín đồng).

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 07/4/2021, bị đơn ông Lê Văn Ng có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm nêu trên, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Lê Anh T không rút đơn khởi kiện và bị đơn ông Lê Văn Ng giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm của Viện Kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, từ đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Lê Văn Ng, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của ông Lê Văn Ng là phù hợp quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên kháng cáo của ông Ng là hợp lệ và đúng theo luật định.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị C vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; việc vắng mặt của bà cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung:

[3] Xét kháng cáo của ông Ng, Hội đồng xét xử nhận thấy, theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, cũng như tại tờ tường trình ngày 22/12/2020 (bút lục 22) và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Ng đều thừa nhận có vay của ông T số tiền là 670.000.000 đồng để đáo nợ Ngân hàng. Đến ngày 28/7/2019 âm lịch thì trả được số tiền là 450.000.000 đồng và tiền lãi là 13.500.000 đồng, vợ chồng ông còn nợ lại ông T số tiền là 220.000.000 đồng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Cấp sơ thẩm căn cứ vào lời thừa nhận nợ của ông Ng, để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc ông Ng, bà C trả cho ông T số tiền 174.027.161 đồng (Trong đó vốn gốc là 145.320.553 và tiền lãi là 28.027.161 đồng) là có căn cứ. Ông Ng kháng cáo chỉ còn thiếu và đồng ý trả ông T tiền vốn là 20.000.000 đồng và tiền lãi là 59.400.000 đồng là không có cơ sở, bởi lẽ ông T không thừa nhận việc này và trong quá trình giải quyết vụ án ông Ng chỉ cung cấp được cho Tòa án bản photo tờ biên nhận ngày 23/3/2020 âm lịch nội dung “*Tôi Lê Anh T có nhận tiền trả nợ của ông Ng là hai trăm triệu đồng*”. Tuy nhiên, biên nhận được viết trong sổ cân lúa của ông Ng nhưng hiện nay cuốn sổ này đã bị thất lạc nên ông không thể cung cấp bản chính được. Trước khi cuốn sổ bị thất lạc thì ông có chụp lại biên nhận này trên điện thoại, nhưng do chụp ban đêm nên mờ không thể hiện rõ nội dung. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm, ông Ng cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ. Vì vậy, kháng cáo của ông Ng không được chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa, ông Ng Yêu cầu giám định lại biên nhận nêu trên. Xét thấy, yêu cầu này là có căn cứ, nhưng ông Ng không cung cấp được biên nhận bản chính nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để trưng cầu giám định. Nếu sau này ông tìm được biên nhận bản chính, thì ông có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thành một vụ kiện khác.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Ng và căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[6] Các phần khác trong quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Như vậy, tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Ng, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Ng là người kháng cáo không được chấp nhận, ông cũng không thuộc trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí phúc thẩm, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn Ng. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2021/DS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ vào Khoản 6 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 468, Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Anh T.

1. Buộc các bị đơn ông Lê Văn Ng và bà Nguyễn Thị C có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Lê Anh T tổng số tiền là 174.027.161 đồng (một trăm bảy mươi bốn triệu không trăm hai mươi bảy ngàn một trăm sáu mươi một đồng), trong đó vốn gốc là 145.320.533 đồng và tiền lãi là 28.706.628 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Anh T về việc buộc các bị đơn ông Lê Văn Ng và bà Nguyễn Thị C có trách nhiệm trả số tiền lãi tính vượt là 32.282.839 đồng (ba mươi hai triệu hai trăm tám mươi hai ngàn tám trăm ba mươi chín đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc bị đơn ông Lê Văn Ng và bà Nguyễn Thị C cùng có trách nhiệm chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.701.358 đồng (tám triệu bảy trăm lẻ một ngàn ba trăm năm mươi tám đồng).

3.2. Nguyên đơn ông Lê Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.614.142 đồng (một triệu sáu trăm mười bốn ngàn một trăm bốn mươi hai đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí là 5.150.000 đồng (năm triệu một trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền án phí số 0007569 ngày 26/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T. Nguyên đơn ông Lê Anh T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí còn dư là 3.535.858 đồng (ba triệu năm trăm ba mươi lăm ngàn tám trăm năm mươi tám đồng).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn Ng phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007726 ngày 08 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Sóc Trăng và như vậy, ông đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TX. N;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TX. N;
- Chi cục THADS TX. N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Văn Phụng